

Số: /BC-CNTY

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững**

Thực hiện Công văn số 196/SNNMT-KHTC ngày 11/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị báo cáo đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững. Chi cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo như sau:

#### **I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH VÀ SỰ CẦN THIẾT**

Trong những năm qua, nông nghiệp đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; đóng góp lớn vào xuất khẩu, thặng dư thương mại, tạo việc làm... Nông nghiệp tiếp tục được quan tâm đầu tư, nhiều cơ chế, chính sách được ban hành nhằm thúc đẩy phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, phát huy lợi thế vùng miền, địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển nông nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Thu hút, sử dụng đầu tư vào nông nghiệp còn nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao; cơ giới hoá nông nghiệp chưa đồng bộ; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực trong ngành nông nghiệp còn hạn chế; năng suất chưa cao; nhiều loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Một số cơ chế, chính sách chậm ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực để thực hiện, chậm được sửa đổi, bổ sung.

Đây là một trong những rào cản để thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng cả nước và các địa phương, nhất là các địa phương có cơ cấu kinh tế phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, hướng tới mục tiêu tăng trưởng đạt ít nhất 8% trong năm 2025 và hai con số trong giai đoạn 2026-2030.

Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương đã yêu cầu phải ưu tiên nguồn lực đầu tư của đất nước cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn, hướng tới mục tiêu phát triển một nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng. Trong đó, tăng đầu tư NSNN giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 – 2020, gắn với nâng cao hiệu quả đầu tư và cơ chế điều tiết,

phân bổ NSNN bảo đảm hài hòa giữa các địa phương; ưu tiên nguồn lực đầu tư để hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng kinh tế số...

Từ thực tiễn và mục tiêu phát triển đặt ra, cần rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nguồn lực đầu tư NSNN trong thời gian qua; từ đó, tham mưu, khuyến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng nguồn lực đầu tư NSNN, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nông nghiệp nhanh, bền vững trong thời gian tới.

Do đó, việc nghiên cứu, xây dựng Báo cáo “Đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững” là cần thiết để thực hiện quan điểm, chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nông nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương và yêu cầu phát triển đặt ra trong Kỳ nguyên mới của đất nước.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA BÁO CÁO**

### **1. Căn cứ xây dựng Báo cáo**

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 27/02/2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

### **2. Phạm vi, đối tượng của Báo cáo**

**a) Phạm vi:** Đánh giá hiệu quả nguồn lực đầu tư ngân sách nhà nước đối với các kết cấu hạ tầng nông nghiệp (hạ tầng các khu nông nghiệp công nghệ cao, hạ tầng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản...) hạ tầng kinh tế số... Từ đó, khuyến nghị giải pháp phân bổ nguồn lực đầu tư ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đối với từng vùng để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp.

**b) Đối tượng:** Đầu tư ngân sách nhà nước đối với các kết cấu hạ tầng nông nghiệp (hạ tầng các khu nông nghiệp công nghệ cao, hạ tầng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản...) hạ tầng số.

## **III. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025**

## **1. Các cơ chế, chính sách đầu tư ngân sách nhà nước đối với các kết cấu hạ tầng nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025**

### **1.1. Các chính sách định hướng phát triển ngành nông nghiệp**

### **1.2 Các chính sách huy động nguồn vốn đầu tư ngân sách trung ương cho phát triển nông nghiệp**

### **1.3. Các chính sách huy động nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương cho phát triển nông nghiệp**

Đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế chính sách: Nhờ chính sách hỗ trợ của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh, nhiều công ty lớn liên kết với người chăn nuôi, đã áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất chăn nuôi. Hình thành được một số mô hình chăn nuôi từ sản xuất đến tiêu dùng để nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sự liên kết trong chăn nuôi. Thị trường cho sản phẩm chăn nuôi ngày càng được quan tâm, mở rộng.

### **1.4. Một số các chính sách hỗ trợ khác**

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh Ban hành quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi.

- Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **2. Tổng hợp nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021-2025**

### **2.1. Nguồn vốn đầu tư từ NSNN**

Tổng nguồn vốn ngân sách đầu tư: 25.700.000.000 đồng;

Ngân sách Trung ương: 5.700.000.000 đồng;

Ngân sách tỉnh: 20.000.000.000 đồng

Trong đó:

- Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cải tiến nâng cao tầm vóc đàn trâu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 – 2025: Tổng kinh phí thực hiện 96.965.608.000 đồng; Nguồn vốn ngân sách: 10.000.000.000 đồng.

- Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng

suất, chất lượng để sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 – 2025: Tổng kinh phí thực hiện 25.297.660.000 đồng; Nguồn vốn ngân sách: 10.000.000.000 đồng.

- Quyết định số 2469/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Dự án Khuyến nông Trung ương thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2023 về xây dựng mô hình chăn nuôi lợn Kiềng Sắt thương phẩm phát huy lợi thế cạnh tranh. Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 2.300.000.000 đồng.

- Quyết định 777/QĐ-BKHCN ngày 06/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN Quỹ gen cấp quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổng kinh phí thực hiện 11.500.000.000 đồng; Nguồn vốn ngân sách trung ương: 3.400.000.000 đồng;

## **2.2. Nguồn vốn đầu tư ngoài NSNN**

- Tổng nguồn vốn ngoài ngân sách: 110.363.268.000 đồng;
- + Nguồn vốn người dân đóng góp 102.263.268.000 đồng
- + Nguồn vốn Doanh nghiệp: 8.100.000.000 đồng.

Trong đó

+ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cải tiến nâng cao tầm vóc đàn trâu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 – 2025: Tổng kinh phí thực hiện 96.965.608.000 đồng, trong đó: Nguồn vốn người dân đóng góp: 86.965.608.000 đồng.

+ Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng để sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 – 2025: Tổng kinh phí thực hiện 25.297.660.000 đồng, trong đó: Nguồn vốn người dân đóng góp: 15.297.660.000 đồng.

+ Quyết định 777/QĐ-BKHCN ngày 06/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN Quỹ gen cấp quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổng kinh phí thực hiện 11.500.000.000 đồng, trong đó: Nguồn vốn Doanh nghiệp: 8.100.000.000 đồng.

## **4. Đánh giá hiệu quả nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021-2025**

### **4.1. Kết quả đạt được**

Nhờ nguồn lực đầu tư, nhìn chung đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, việc tái đàn heo sau dịch tả lợn Châu Phi đang tiến triển rất tốt.

Định hướng phát triển chăn nuôi theo vùng đạt kết quả khả quan, việc chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực, hiện trên địa bàn tỉnh đã có khoảng 100 trang trại chăn nuôi tập trung, trong đó có 01 trang trại bò sữa của Vinamilk với số lượng 3.269 con đang cho sữa.

Tổng giá trị sản xuất chăn nuôi luôn tăng, đến cuối năm 2024, đàn trâu có 65.726 con, đàn bò có 268.526 con, tỷ lệ bò lai đạt 80%, đàn heo có 376.601 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 97.293 tấn.

## **4.2. Khó khăn, hạn chế, vướng mắc**

### **4.2.1. Các rào cản về chính sách liên quan đến đầu tư chung**

Do hạn chế quỹ đất, thiếu vốn đầu tư, người chăn nuôi không tiếp cận được với các nguồn vốn vay ưu đãi, thiếu trình độ quản lý và kỹ thuật... Do vậy chăn nuôi trang trại chưa phát triển mạnh.

### **4.2.2. Các rào cản và rủi ro do đặc thù của ngành nông nghiệp**

- Hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, phân tán trong khu dân cư vẫn còn phổ biến gây ô nhiễm môi trường sống và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh, đặc biệt là chăn nuôi gia cầm và chăn nuôi heo;

- Công tác phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh còn hạn chế;

- Chăn nuôi trên toàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do dịch tả heo Châu Phi xảy ra; Bệnh lở mồm long móng, bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò có tiềm ẩn nguy cơ xảy ra, nên ảnh hưởng lớn đến công tác tăng đàn.

- Giá vật tư đầu vào và đầu ra không ổn định, cụ thể: giá thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y liên tục tăng cao, nhưng giá thịt lại giảm xuống đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất của người chăn nuôi.

- Sản phẩm ngành nông nghiệp nói chung, ngành chăn nuôi nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào biến đổi khí hậu, thiên tai dịch bệnh và biến động của giá cả trên thế giới.

## **5. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

### **5.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được và khó khăn, hạn chế, vướng mắc**

\* Về công tác chỉ đạo:

- Công tác tham mưu triển khai các chương trình, kế hoạch dài hạn, hàng năm của UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT kịp thời và đem lại hiệu quả cao. Cụ thể: Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2021-2025 đã góp phần đáng kể trong công tác bảo vệ đàn gia súc, gia cầm....

- Tích cực, chủ động trong công tác, thực hiện hướng dẫn phát triển chăn nuôi an toàn, hiệu quả, bền vững trong tình hình dịch bệnh phức tạp; khuyến cáo,

hướng dẫn nông dân, doanh nghiệp trang trại áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt. Cụ thể như: Chuồng trại có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; áp dụng công nghệ cao như chuồng lạnh... để giảm phụ thuộc vào biến đổi thời tiết; dụng cụ chăn nuôi, con giống, thức ăn, nước uống, chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và các biện pháp quản lý cơ sở chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

- Hướng dẫn người chăn nuôi, doanh nghiệp trang trại thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

### **\* Những tồn tại:**

Mặc dầu hàng năm ngành chăn nuôi tăng trưởng, góp phần đáng kể trong tăng trưởng của ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, so với kế hoạch được giao, phát triển chăn nuôi vẫn còn một số tồn tại sau:

- Việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào ngành nông nghiệp nói chung, ngành chăn nuôi nói riêng đạt kết quả thấp. Nhiều doanh nghiệp chỉ đầu tư vào các lĩnh vực mau đem lợi nhuận như chăn nuôi lợn, gia cầm thịt. Các lĩnh vực khác như đầu tư trại giống gia súc, gia cầm; lĩnh vực chăn nuôi bò, lĩnh vực giết mổ gia súc gia cầm tập trung không có nhà đầu tư...

- Năm 2021-2025, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm và dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến sức tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi.

- Việc đầu tư phát triển chăn nuôi vẫn còn thiếu đồng bộ. Phần lớn các doanh nghiệp và người chăn nuôi chỉ tập trung đầu tư ngắn hạn để dễ thu lợi trong khi con giống, giết mổ, chế biến còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình dịch bệnh khó kiểm soát, vẫn còn nguy cơ tiềm ẩn bùng phát gây tâm lý lo ngại cho người chăn nuôi. Môi trường chăn nuôi chưa được xử lý triệt để; vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát, ảnh hưởng đến người tiêu dùng.

- Sản xuất chưa gắn với giết mổ, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư chế biến các sản phẩm chăn nuôi.

- Lực lượng làm công tác chăn nuôi thú y còn thiếu, nhất là ở cơ sở, nên khó khăn trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Nhận thức của người chăn nuôi còn hạn chế, chưa thấy được tầm quan trọng và lợi ích của công tác tiêm phòng vắc xin đối với vật nuôi.

### **\* Nguyên nhân**

- Công tác Quản lý chất lượng con giống, thức ăn chăn nuôi, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát dịch bệnh, quản lý môi trường chăn nuôi, ... còn hạn chế, tác động tiêu cực đến người chăn nuôi.

- Hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, phân tán trong khu dân cư vẫn còn phổ biến gây ô nhiễm môi trường sống và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh; Khi

dịch bệnh xảy ra người chăn nuôi có xu hướng bán trâu bò để tạm nghỉ, thực hiện sát trùng chuồng nuôi làm cho tổng đàn giảm và sản lượng thịt hơi tăng.

- Đầu tư của nhà nước cho chăn nuôi rất thấp và chưa được quan tâm đúng mức. Đầu tư tư nhân vào chăn nuôi hạn chế, doanh nghiệp chưa tiếp cận được nhiều với các nguồn vốn vay, thời hạn cho vay ngắn so với vòng đời và đặc điểm sinh học của vật nuôi; lãi suất chưa hấp dẫn,...

- Do hạn chế về Quỹ đất dành cho chăn nuôi, diện tích đất dành cho bãi chăn thả ngày càng thu hẹp. Không thể chăn nuôi theo hình thức quản canh tăng đàn vật nuôi, mà xu hướng chăn nuôi hiện nay theo hàng hóa, nâng cao giá trị thu nhập là chính. Chăn nuôi đại gia súc chủ yếu chuyển sang nuôi nhốt, giảm số lượng đàn vật nuôi, chọn những giống trâu bò cho năng suất cao như bò siêu thịt (bò BBB, Red Angus, Limousin...); người chăn nuôi đầu tư thâm canh sử dụng cỏ trồng và thức ăn tinh để tăng lợi nhuận.

- Công tác phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh còn hạn chế;

- Chuyển đổi cơ cấu chăn nuôi chậm, chăn nuôi quy mô nhỏ còn phổ biến, chăn nuôi trang trại chưa phát triển; do vướng mắc của Luật Đất đai, nhiều trang trại chăn nuôi đã có chủ trương đầu tư nhưng không được giao đất nên không triển khai được;

## **5.2. Bài học kinh nghiệm**

- Công tác tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị các cấp, địa phương là rất quan trọng từ đánh giá lợi thế, lựa chọn mục tiêu, sản phẩm chủ lực, các giải pháp chính đến chỉ đạo và tổ chức thực hiện; đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phù hợp.

- Giải quyết tốt vấn đề đất đai, thị trường tiêu thụ sản phẩm, thương hiệu, chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất, doanh nghiệp,... là các yếu tố then chốt, quyết định cho quá trình cơ cấu lại của ngành nông nghiệp.

- Động lực cho cơ cấu lại nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sản xuất là đem lại lợi ích cho nông dân; do đó cần kịp thời sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách phù hợp, tạo tiền đề mang tính đột phá, thúc đẩy phát triển sản xuất. Trong đó, cần có giải pháp, cơ chế tập trung nguồn lực để đầu tư, phát triển các sản phẩm lợi thế, chủ lực thành hàng hóa.

- Cơ cấu lại nông nghiệp là một quá trình, đòi hỏi phải có thời gian và nguồn lực, không thể nóng vội, hình thức. Vì vậy, cần tiếp tục ưu tiên hơn nữa vốn đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn; đồng thời thực hiện tốt các chính sách huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và người dân nông thôn.

## **IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN LỰC NGÂN**

# **SÁCH NHÀ NƯỚC PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

## **1. Dự báo bối cảnh, tình hình**

Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường như cạnh tranh, căng thẳng thương mại giữa các nước; tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn; biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng cả về tác động và cường độ,... Trong nước, tình hình chính trị xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội tiếp tục được triển khai... Trong thời gian qua, ngành Nông nghiệp cũng đạt được nhiều thành tựu, kết quả khả quan, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn 2026-2030 tầm nhìn đến năm 2045.

## **2. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp**

- Phát triển ngành Chăn nuôi của tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi của cả nước, Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi; đa dạng hóa các đối tượng vật nuôi, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và nhu cầu của thị trường để phát triển toàn diện, bền vững, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

- Đa dạng hóa các loài vật nuôi để phát huy tối đa thế mạnh của từng vùng và nhu cầu đa dạng của từng thị trường, nhưng tập trung chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng đàn gia cầm, đàn heo, đàn bò. Chuyển đàn từ chăn nuôi nông hộ sang phát triển chăn nuôi trang trại ứng dụng công nghệ cao; duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng phải bảo đảm an toàn, thân thiện với môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi; nâng cao tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi được sản xuất trong các trang trại, hộ chăn nuôi bảo đảm an toàn, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và hướng đến xuất khẩu.

## **3. Yêu cầu về nguồn lực và định hướng đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp**

- Huy động đa dạng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành đảm bảo đúng theo quy định.

- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

#### **4. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để huy động và nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Để huy động và nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chi cục Chăn nuôi và Thú y đề xuất những giải pháp chỉ đạo như sau:

4.1. Bám sát vào nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch hàng năm và kế hoạch KT-XH 05 năm và theo Chương trình công tác hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các văn bản liên quan của các cấp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

4.2. Giải pháp phát triển đàn vật nuôi:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng vùng cấm chăn nuôi để hình thành phát triển vùng chăn nuôi tập trung, theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền chăn nuôi hiện đại, chăn nuôi sạch, chăn nuôi hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn quốc.

- Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh, trong đó cần tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các dự án trọng điểm trong kế hoạch KT-XH giai đoạn 2025-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Triển khai thực hiện các Kế hoạch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm: Kế hoạch thực hiện Đề án ưu tiên đẩy mạnh hoạt động Khoa học và Công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 02/8/2024; Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 02/8/2024; Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 02/8/2024; Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030 của Thủ tướng chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 02/8/2024; Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 08/8/2024.

- Phân đầu tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi bình quân đạt từ 4,0 - 5%/năm. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao,

chăn nuôi tuần hoàn ở cả quy mô trang trại và hộ chăn nuôi chuyên nghiệp, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường.

- Đối với các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh có tiềm năng phát triển quy mô lớn, tăng cường liên kết giữa các địa phương để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung, áp dụng cơ giới hóa gắn với công nghiệp chế biến nông sản; có chính sách, giải pháp và nguồn lực để mở rộng quy mô, chất lượng và thương hiệu sản phẩm để bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia khi đủ điều kiện.

- Triển khai tuyên truyền phổ biến Luật Chăn nuôi, hướng dẫn kiểm tra điều kiện chăn nuôi theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi.

#### 4.3. Giải pháp về thú y:

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhập lậu gia súc gia cầm, sản phẩm gia súc gia cầm không có nguồn gốc vào địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ chăn nuôi đã được ban hành.

- Theo dõi, giám sát tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản, phối hợp với địa phương phát hiện dịch sớm, nhanh chóng dập tắt không để lây lan diện rộng. Hướng dẫn vệ sinh khử trùng tiêu độc các ổ dịch cũ.

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực sẵn sàng tổ chức phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trong thời gian đến.

- Hướng dẫn hộ chăn nuôi, trang trại chăn nuôi phối hợp với thú y cơ sở chủ động theo dõi, giám sát chặt chẽ dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nếu phát hiện vật nuôi bệnh, nghi mắc bệnh, chết không rõ nguyên nhân thì thông báo nhanh cho cơ quan thú y địa phương lấy mẫu xét nghiệm, phòng trị bệnh cho đàn vật nuôi, áp dụng các biện pháp phòng trừ, ngăn chặn lây lan dịch bệnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh, nguy cơ tái phát dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

- Chủ động phối hợp với các địa phương trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên động vật và người.

Trên đây là Báo cáo Đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững. Chi cục Chăn nuôi và Thú y kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chỉ đạo./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, NV<sub>Trang</sub>.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Đỗ Văn Chung**